

Số: **76** /TB- BVNTW  
V/v mời báo giá gói dịch vụ diệt,  
phòng chống các loại côn trùng gây  
hại tại Bệnh viện Nhi Trung ương

Hà Nội, ngày **08** tháng **03** năm **2024**

**THÔNG BÁO MỜI BÁO GIÁ**  
Kính gửi: Quý công ty/Nhà cung cấp

Bệnh viện Nhi Trung ương đang có kế hoạch thực hiện dịch vụ diệt, phòng chống các loại côn trùng gây hại trong năm 2024-2026 (thời gian thực hiện 24 tháng) - Danh mục dịch vụ chi tiết tại phụ lục 02 đính kèm thư mời.

Bệnh viện Nhi Trung ương kính mời Quý công ty/Nhà cung cấp gửi Hồ sơ báo giá dịch vụ theo thông tin sau:

**1. Hồ sơ báo giá gồm:**

- Thư giới thiệu nộp Hồ sơ báo giá dịch vụ (có đủ thông tin liên hệ với Công ty/nhà cung cấp dịch vụ);
- Văn bản chứng minh Công ty/Nhà cung cấp có chức năng cung cấp dịch vụ (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép hoạt động);
- Mẫu báo giá theo phụ lục 01 đính kèm

**2. Hình thức nộp:** Bản giấy

**3. Địa điểm nộp:** Văn thư Bệnh viện – tầng 3, Nhà A (nhà 15 tầng) Bệnh viện Nhi Trung ương. Địa chỉ số 18/879 Đường La Thành – Quận Đống Đa – Thành phố Hà Nội. Điện thoại: 024.6273.8886

**4. Hạn nộp hồ sơ báo giá:** trong vòng 10 ngày, kể từ ngày thông báo. *h*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HCQT (2).

**GIÁM ĐỐC**  
**BỆNH VIỆN NHI TRUNG ƯƠNG**  
*Trần Minh Điền*  
**\*Trần Minh Điền**

PHỤ LỤC 01  
Mẫu báo giá

**TÊN ĐƠN VỊ CUNG CẤP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm

**BÁO GIÁ**

Kính gửi: Bệnh viện Nhi Trung ương

“.....(tên đơn vị)....., có địa chỉ tại....., số đăng ký kinh doanh.....được cấp bởi.....”

Căn cứ thông báo mời báo giá của Bệnh viện Nhi Trung ương và khả năng cung cấp của công ty, chúng tôi xin gửi bản báo giá dịch vụ diệt, phòng chống các loại côn trùng gây hại tại Bệnh viện Nhi Trung ương (thời gian thực hiện dịch vụ 24 tháng, năm 2024-2026) và cam kết đáp ứng đầy đủ toàn bộ danh mục dịch vụ, khối lượng, tiêu chí kỹ thuật, chất lượng theo yêu cầu của Quý Bệnh viện quy định tại Phụ lục 02 – Số: 76 /TB-BVNTW ngày 28/03/2024, cụ thể như sau:

Đơn vị: VND

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng (24 tháng)	Đơn giá đã gồm toàn bộ thuế phí, chi phí vận chuyển	Thành tiền	Ghi chú
1	Hạng mục diệt côn trùng bay gây hại như: ruồi, muỗi, kiến, bọ...	(m2)	617.884			Hạng mục dịch vụ chào giá đáp ứng đúng yêu cầu về khối lượng, tần suất, thời gian, tiêu chí, yêu cầu chi tiết tại PL 02
2	Hạng mục diệt chuột	(m2)	561.616			Thư mời báo giá số:
3	Hạng mục diệt các loại gián, gián Đức, Nhật, gián ngoại lai	(m2)	28.240			76 /TB-BVNTW ngày
4	Hạng mục diệt mối và phòng chống mối					02/03/2024
4.1	Hạng mục phòng chống mối	(m2)	14.310			
4.2	Hạng mục diệt mối	(m2)	2.574			
<b>Tổng cộng</b>						

- Giá chào là giá đã bao gồm toàn bộ các loại thuế, phí, lệ phí theo quy định, các chi phí khác phát sinh (nếu có)

khí thực hiện dịch vụ tại Bệnh viện Nhi Trung ương;

- Báo giá có hiệu lực: 90 ngày kể từ ngày báo giá.

**Đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá**  
(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)

**PHỤ LỤC 02 - DANH MỤC, TIÊU CHÍ KỸ THUẬT, KHỐI LƯỢNG**  
 (Kèm theo Thông báo mời chào giá số 76 /TB-BVNTW ngày 03/3/2024)  
**Gói dịch vụ: Diệt, phòng chống các loại côn trùng gây hại tại Bệnh viện Nhi Trung ương**

**1. Danh mục, tiêu chí kỹ thuật, khối lượng thực hiện**  
**1.1. Hạng mục diệt côn trùng bay gây hại như: ruồi, muỗi, kiến, bọ...**

STT	Vị trí thực hiện dịch vụ	Diện tích thực hiện (m <sup>2</sup> )	Tần suất /năm	Khối lượng 12 tháng (m <sup>2</sup> )	Khối lượng 24 tháng (m <sup>2</sup> )
1	Tòa nhà 15 tầng - Tầng hầm	6.311	6	37.866	75.732
2	Tòa nhà 15 tầng - Tầng 1	6.311	4	25.244	50.488
3	Trung tâm Quốc tế (Tầng 1, 2, 3)	5.805	4	23.220	46.440
4	Phòng Công tác xã hội (Tầng 1, Nhà S)	200	4	800	1.600
5	Khoa Tâm thần (Tầng 1, nhà V)	1.065	4	4.260	8.520
6	Khoa Khám và ĐTBN (Tầng 1, nhà V)	1.522	4	6.088	12.176
7	Khoa Tiêu hóa - ĐV Nội soi tiêu hóa (Tầng 1, nhà U)	801	4	3.204	6.408
8	Lưu trữ hồ sơ (Tầng 1, nhà U)	171	4	684	1.368
9	Hội trường J (Tầng 1, nhà T)	291	4	1.164	2.328
10	Khu Điện quang CT, xưởng Dụng cụ CH (Tầng 1, nhà T)	824	4	3.296	6.592
11	Khoa KKTK- ĐN I; Khoa DD - ĐV Tiết chế (Tầng 1, nhà T)	884	4	3.536	7.072
12	Khoa Khám bệnh Đa khoa (Tầng 1, nhà P)	3.352	4	13.408	26.816
13	Khoa Điều trị tự nguyện (Tầng 2 -3, nhà P)	3.085	4	12.340	24.680
14	Trung tâm Bệnh nhiệt đới (Nhà K)	3.180	4	12.720	25.440
15	Khu nhà kỹ thuật (nhà G)	1.249	4	4.996	9.992
16	Trung tâm Sơ sinh (Nhà B)	1.442	4	5.768	11.536
17	Khu nhà Tâm linh	32	4	128	256
18	Khu vực nhà giặt, nhà rác, nhà Spect	1.189	4	4.756	9.512
19	Khu vực nhà tổ xe	243	4	972	1.944
20	Khu vực Nhà đại thể, Nhà lưu trú	1.123	4	4.492	8.984
21	Khuôn viên ngoại cảnh hàng rào, vườn hoa, sân chơi, bãi xe	35.000	4	140.000	280.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>74.080</b>		<b>308.942</b>	<b>617.884</b>

- *Mục tiêu:* Diệt và kiểm soát hết côn trùng bay gây hại như: ruồi, muỗi, kiến, bọ ... trong các tòa nhà và toàn bộ khuôn viên ngoại cảnh của Bệnh viện, để phòng tránh dịch sốt xuất huyết, bệnh truyền nhiễm do muỗi và các loại côn trùng gây ra.

- *Hóa chất thực hiện:* Hóa chất, thuốc được đăng ký sử dụng tại Việt Nam và được các cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp phép; ít độc hại đến con người và môi trường sống (ưu tiên sử dụng hóa chất bằng chế phẩm sinh học, không mùi, đảm bảo chất lượng). Đơn vị cung cấp có thể sử dụng các loại hóa chất, thuốc có thành phần hoạt chất khác được cấp phép lưu hành và có hiệu quả tương đương:

STT	Tên thuốc	Thành phần	Hãng
1	SUSPEND	Deltamethrin 2,45%	Bayer (Đức)
2	Perme UK 50EC	Permethrin	Anh Quốc
3	BITHOR	Bifenthrin 4,5% (45g/Lít) Imidacloprid 5,5% (55g /Lít)	Ensystem (Mỹ)
4	Aqua Resigen 10.4 Ew	Permethrin 10.26, S-bioallethrin 0.14%	Đức
5	Fendona 10sc	Alpha-Cypermethrin 10% (100g/lít)	Đức
6	Hockley UK 10CS	Lambda cyhalothrin 10%	Anh Quốc
7	Abate	Temephos 1%	Đức
8	Map Permethrin 50Ec	Permethrin (50%)	Anh Quốc

- *Đánh giá hiệu quả cho 1 đợt phun:* Sau 25-30 ngày thực hiện phun diệt muỗi và các loại côn trùng Bệnh viện sẽ tiến hành kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu:

+ Nếu số lượng muỗi và các loại côn trùng cơ bản được tiêu diệt (mắt thường không nhìn thấy, hoặc thấy rất ít) thì được đánh giá là đạt yêu cầu;

+ Nếu muỗi và các loại côn trùng chưa được tiêu diệt cơ bản (mắt thường còn dễ dàng nhìn thấy rất nhiều) thì được đánh giá là chưa đạt. Nếu được đánh giá là chưa đạt thì đơn vị cung cấp dịch vụ sẽ phải tiến hành phun bổ sung đến khi nào được đánh giá là đạt thì mới được nghiệm thu thanh toán.

## 1.2. Hạng mục diệt chuột

STT	Vị trí thực hiện dịch vụ	Diện tích thực hiện (m <sup>2</sup> )	Tần suất /năm	Khối lượng 12 tháng (m <sup>2</sup> )	Khối lượng 24 tháng (m <sup>2</sup> )
1	Tòa nhà 15 tầng - Tầng hầm	6.311	4	25.244	50.488
2	Tòa nhà 15 tầng - Tầng 1	6.311	4	25.244	50.488
3	Trung tâm Quốc tế (Tầng 1&2)	4.637	4	18.548	37.096
4	Phòng Công tác xã hội (Tầng 1, Nhà S)	200	4	800	1.600
5	Khoa Tâm thần (Tầng 1, nhà V)	1.065	4	4.260	8.520
6	Khoa Khám và ĐTBN (Tầng 1, nhà V)	1.522	4	6.088	12.176
7	Khoa Tiêu hóa - ĐV Nội soi tiêu hóa (Tầng 1, nhà U)	801	4	3.204	6.408
8	Lưu trữ hồ sơ (Tầng 1, nhà U)	171	4	684	1.368
9	Hội trường 1 (Tầng 1, nhà T)	291	4	1.164	2.328
10	Khu Điện quang CT, xưởng Dụng cụ CH (Tầng 1, nhà T)	824	4	3.296	6.592
11	Khoa KKTK- ĐN I; Khoa DD - ĐV Tiết chế (Tầng 1, nhà T)	884	4	3.536	7.072
12	Khoa Khám bệnh Đa khoa (Tầng 1, nhà P)	3.352	4	13.408	26.816
13	Khoa Điều trị tự nguyện (Tầng 2, 3 nhà P)	3.085	4	12.340	24.680
14	Trung tâm Bệnh nhiệt đới (Nhà K)	1.496	4	5.984	11.968
15	Khu nhà kỹ thuật (nhà G)	863	4	3.452	6.904
16	Trung tâm Sơ sinh (Nhà B)	1.442	4	5.768	11.536
17	Khu nhà Tâm linh	32	4	128	256
18	Khu vực nhà giặt, nhà rác, nhà Spect (tầng 1)	809	4	3.236	6.472
19	Khu vực nhà tổ xe	243	4	972	1.944
20	Khu vực Nhà đại thể, Nhà lưu trú	863	4	3.452	6.904
21	Khuôn viên ngoại cảnh hàng rào, vườn hoa, sân chơi, bãi xe	35.000	4	140.000	280.000
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>70.202</b>		<b>280.808</b>	<b>561.616</b>

- *Mục tiêu:* Diệt và kiểm soát chuột để bảo vệ tài sản, trang thiết bị y tế do chuột cắn phá và phòng tránh dịch bệnh do chuột gây ra trong các tòa nhà và toàn bộ khuôn viên ngoại cảnh của Bệnh viện.

- *Hóa chất thực hiện:* Hóa chất, thuốc được đăng ký sử dụng tại Việt Nam và được các cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp phép; ít độc hại đến con người và môi trường sống (ưu tiên sử dụng hóa chất bằng chế phẩm sinh học, không mùi, đảm bảo chất lượng). Đơn vị cung cấp có thể sử dụng các loại hóa chất, thuốc có thành phần hoạt chất khác được cấp phép lưu hành và có hiệu quả tương đương:

STT	Tên thuốc	Thành phần	Hãng
1	Storm 0.005% BB 1kg	Flocoumafen 0.005%, lúa mì ngũ cốc vừa đủ 1 viên.	Bayer (Đức)
2	Klerat 0.005	Brodifacoum 0.05g/kg và phụ gia	Syngenta (Thụy Sĩ)
3	Racumin 0.75 TP	Coumatetralyl (min98%)	Bayer (Đức)
4	Biorat	Warfarin Sodiun, Samonella enteritidis var.17 F-4	Việt Nam

Trong trường hợp đơn vị cung cấp đề xuất sử dụng hóa chất tương đương thì đơn vị cung cấp có trách nhiệm chứng minh tính chất tương đương của hóa chất đề xuất.

- *Đánh giá hiệu quả cho 1 đợt xử lý diệt chuột:* Sau 1 tháng thực hiện diệt chuột Bệnh viện sẽ tiến hành kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu :

+ Khi kiểm tra có thể nhìn thấy (hoặc có hình ảnh, video ghi lại của các khoa phòng) không có dấu hiệu của chuột như: đường đi của chuột, phân chuột, vết cắn phá trong các khoa phòng tại các tòa nhà thì được đánh giá là đạt yêu cầu.

+ Khi kiểm tra có thể nhìn thấy (hoặc có hình ảnh, video ghi lại của các khoa phòng) có nhiều đường đi của chuột, phân chuột, có nhiều dấu vết của chuột cắn phá hỏng dây điện, đồ đạc trong các khoa phòng tại các tòa nhà thì được xem là chưa đạt. Nếu được đánh giá là chưa đạt thì Nhà thầu sẽ phải tiến hành diệt chuột đến khi nào được đánh giá là đạt thì mới được nghiệm thu thanh toán.

### 1.3. Hạng mục diệt các loại gián, gián Đức, Nhật, gián ngoại lai

STT	Vị trí thực hiện dịch vụ (khu vực Phòng cơ rửa, vệ sinh, dinh dưỡng, phòng ăn, rác thải)	Diện tích thực hiện (m <sup>2</sup> )	Tần suất /năm	Khối lượng 12 tháng (m <sup>2</sup> )	Khối lượng 24 tháng (m <sup>2</sup> )
1	Tòa nhà 15 tầng	2.130	4	8.520	17.040
2	TT Quốc tế	560	4	2.240	4.480
3	TT Sơ sinh	112	4	448	896
4	TT Bệnh nhiệt đới	150	4	600	1.200
5	Khoa Khám bệnh Đa khoa, Khoa Điều trị tự nguyện	117	4	468	936
6	Khoa Tâm thần, Khoa Khám và ĐTBN, Khoa TH - ĐV Nội soi TH	99	4	396	792
7	Bãi tập kết rác thải	362	4	1.448	2.896
<b>TỔNG SỐ</b>		<b>3.530</b>		<b>14.120</b>	<b>28.240</b>

- *Mục tiêu:* Diệt và kiểm soát hết các loại gián, gián Đức, gián ngoại lai để phòng tránh dịch bệnh truyền nhiễm, phá hoại tài sản do các loại gián gây ra trong các tòa nhà và toàn bộ khuôn viên ngoại cảnh của Bệnh viện.

- *Hóa chất thực hiện:* Hóa chất, thuốc được đăng ký sử dụng tại Việt Nam và được các cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp phép; ít độc hại đến con người và môi

trường sống (ưu tiên sử dụng hóa chất bằng chế phẩm sinh học, không mùi, đảm bảo chất lượng). Đơn vị cung cấp có thể sử dụng các loại hóa chất, thuốc có thành phần hoạt chất khác được cấp phép lưu hành và có hiệu quả tương đương.

STT	Tên thuốc	Thành phần	Hãng
1	Seclira	Dinotefuran 0,05% w/v chất dẫn dụ	BASF (nhập khẩu từ Mỹ)
2	Vendetta Niotro Cockroach gel bait	Clothianidin 0,5% Pyriproxyfen 0,5%	SUMITOMO CHEMICAL CO., LTD (Mỹ)
3	OPTIGARD COCKROACH BAIT-30g	Emamectin benoate... 0.1% w/w – Phụ gia vừa đủ: 100%	Syngenta- Thụy Sĩ
4	MAXFORCE QUANTUM 0.03%	Imidacloprid:0.03% (w/w), Phụ gia: 99,97% (w/w)	Bayer (Đức)

Trong trường hợp đơn vị cung cấp đề xuất sử dụng hóa chất tương đương thì đơn vị cung cấp có trách nhiệm chứng minh tính chất tương đương của hóa chất đề xuất.

- *Đánh giá hiệu quả cho 1 đợt xử lý diệt gián:* Sau 01 tháng thực hiện diệt gián, gián Đức, gián ngoại lai thì Bệnh viện sẽ tiến hành kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu.

+ Nếu số lượng gián, gián Đức, gián ngoại lai cơ bản được tiêu diệt (mắt thường không nhìn thấy, hoặc thấy rất ít) thì được đánh giá là đạt yêu cầu;

+ Nếu số lượng gián, gián Đức, gián ngoại lai chưa được tiêu diệt cơ bản (mắt thường còn dễ dàng nhìn thấy rất nhiều) thì được đánh giá là chưa đạt. Nếu được đánh giá là chưa đạt thì đơn vị cung cấp sẽ phải tiến hành diệt gián, gián Đức, gián ngoại lai bổ sung đến khi nào được đánh giá là đạt thì mới được nghiệm thu thanh toán.

#### 1.4. Hạng mục diệt mối và phòng chống mối

STT	Vị trí thực hiện dịch vụ	Diện tích thực hiện (m <sup>2</sup> )	Tần suất /năm	Khối lượng 12 tháng (m <sup>2</sup> )	Khối lượng 24 tháng (m <sup>2</sup> )
<b>I</b>	<b>Phòng chống mối</b>				
1	Kho lưu trữ hồ sơ (nhà P; K; T; B)	1.124	1	1.124	2.248
2	Kho lưu trữ hồ sơ (Nhà U)	906	4	3.624	7.248
3	Khoa DD - ĐV Tiết chế	200	4	800	1.600
4	Kho lưu hóa đơn TCKT	445	1	445	890
5	Kho lưu trữ tài liệu P. TCCB	146	1	146	292
6	Kho lưu trữ tài liệu P. VTTBYT	181	4	724	1.448
7	Các kho lưu trữ tài liệu P. KTTD	155	1	155	310
8	Các kho lưu trữ tài liệu P. HCQT	33	1	33	66
9	Hội trường TT học liệu - Viện ĐT và NCSKTE	104	1	104	208
<b>TỔNG SỐ</b>		<b>3.294</b>		<b>7.155</b>	<b>14.310</b>
<b>II</b>	<b>Diệt mối tận gốc khi phát hiện có mối</b>				
1	Dự kiến khu vực nguy cơ mối cao	1.287	1	1.287	2.574

- *Mục tiêu:* Diệt tận gốc và diệt hết các tổ mối trong các tòa nhà và trong khuôn viên của Bệnh viện để bảo vệ cơ sở vật chất và trang thiết bị của Bệnh viện.

- *Hóa chất:* Hóa chất, thuốc được đăng ký sử dụng tại Việt Nam và được các cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp phép; ít độc hại đến con người và môi trường sống (ưu tiên sử dụng hóa chất bằng chế phẩm sinh học, không mùi, đảm bảo chất lượng). Đơn vị cung cấp có thể sử dụng các loại hóa chất, thuốc có thành phần hoạt chất khác được cấp phép lưu hành và có hiệu quả tương đương.

STT	Tên thuốc	Thành phần	Hãng
1	MYTHIC 240SC 1000ML	Chlorfenapyr 24% (240g/l)	BASF (CHLB Đức)
2	XTERM 1%	Chất ức chế sinh trưởng (IGRs) chất ức chế tổng hợp Chitin (CSI).	Sumitomo Chemical của Nhật Bản
3	REQUIEM 1RB	Chlorfluzuron 1g / kg, phụ gia 999g	Ensystem (Hoa Kỳ)

- *Đánh giá hiệu quả cho 1 đợt xử lý diệt mối, phòng chống mối:* Sau 01 tháng thực hiện diệt mối, phòng chống mối thì Bệnh viện sẽ tiến hành kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu.

+ Nếu các vị trí đã diệt và phòng chống mối mà không còn nhìn thấy hiện tượng đường mối, không còn thấy mối xâm nhập phá hoại các kết cấu gỗ, hồ sơ tài liệu thì được đánh giá là đạt yêu cầu;

+ Nếu các vị trí đã diệt và phòng chống mối mà vẫn còn nhìn thấy hiện tượng làm đường mối, hoặc còn thấy mối xâm nhập phá hoại các kết cấu gỗ, hồ sơ tài liệu thì được đánh giá là chưa đạt yêu cầu. Nếu được đánh giá là chưa đạt thì đơn vị cung cấp sẽ phải tiến hành diệt và phòng chống mối bổ sung đến khi nào được đánh giá là đạt thì mới được nghiệm thu thanh toán.